

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2020/DS-ST

Ngày: 11/12/2020

V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Trần Xuân Văn

2. Ông Trương Quang Lương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-DS ngày 09/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-DS ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M; sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số 14 A, đường S, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Phạm Anh Đ; sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Dãy 2, đường 36m, Tổ dân phố 1, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Xuân S; sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Dãy 2, đường 36m, Tổ dân phố 1, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ ba không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Nguyên đơn, bà Lê Thị Tuyết M trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Trước đây do có sự quen biết nhau nên bà M cho vợ chồng anh Phạm Anh Đ và chị Đinh Thị Xuân S vay số tiền là 181.350.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 25/3/2016 với thời hạn cho vay là 01 tháng tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 25/4/2016. Nhưng vợ chồng anh Đ chị S đã vi phạm không trả nợ đúng theo thời hạn, bà M đã khởi kiện đến Tòa án hòa giải và các bên tự thỏa thuận cho phép anh Đ và chị S trả số tiền là 75.350.000 đồng và chị M đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết. Sau đó anh Đ có trả 6.000.000 đồng cho đến nay thì anh Đ và chị S không trả, còn lại 69.350.000 đồng. Nay anh Đ cam kết đứng ra chịu toàn bộ trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ vay này theo biên bản thỏa thuận ngày 16/10/2019. Do đó, bà Lê Thị Tuyết M làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Phạm Anh Đ phải trả cho bà M số tiền 69.350.000 đồng. Ngoài ra bà M không yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến trình bày của bị đơn, anh Phạm Anh Đ:

Anh Đ đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và giấy triệu tập về việc bà Lê Thị Tuyết M khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền 69.350.000 đồng. Anh Đ thừa nhận có nợ số tiền 69.350.000 đồng của bà Lê Thị Tuyết M. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh chị - cô Đinh Thị Xuân S trong thời kỳ hôn nhân và hiện nay anh chị đã ly hôn theo quyết định của Tòa án số 172/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 và hiện nay anh Đ cam kết đứng ra hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ khoản nợ này. Anh Đ cam kết chậm nhất 06 tháng đến ngày 30/4/2021 sẽ trả hết số nợ 69.350.000 đồng. Đề nghị Tòa án hòa giải tạo điều kiện để hai bên hòa giải, phía bà M tạo điều kiện vì hiện nay gia đình anh đang gặp khó khăn về tài chính. Anh Đ cam kết sẽ trả hết nợ.

Tại phiên tòa anh Đ thừa nhận còn nợ bà M số tiền vay gốc 69.350.000 đồng và cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với khoản nợ này. Bà M cũng nhất trí việc anh Đ đứng ra chịu trách nhiệm hoàn toàn với khoản vay trên. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định còn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc anh Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 69.350.000 đồng trên cho Nguyên đơn. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 1, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Theo nguyên đơn trình bày, trước đây do có sự quen biết nhau nên bà M cho vợ chồng anh Phạm Anh Đ và chị Đinh Thị Xuân S vay số tiền là 181.350.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 25/3/2016 với thời hạn cho vay là 01 tháng tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 25/4/2016. Tính đến thời điểm khởi kiện thì anh Đ còn nợ số tiền 69.350.000 đồng của bà Lê Thị Tuyết M và anh Đ cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với khoản nợ này theo giấy cam kết ngày 16/10/2019 mà anh Đ đứng ra nhận nợ, cam kết trả. Do không có tiền trả cho nên các bên mới thỏa thuận viết giấy nhận nợ, các bên không thỏa thuận tiền lãi, chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc. Nhưng anh Đ đã vi phạm không trả nợ đúng theo thời hạn. Dù nhiều lần nguyên đơn hỏi thúc và tạo điều kiện thanh toán cho anh Đ nhưng đều không có kết quả. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay là 69.350.000 đồng không yêu cầu trả lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp kiện đòi lại tài sản thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa theo thời gian quy định. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản), đồng thời Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản cần tổng đạt cho chị S. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành (mặc dù vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị S

nhưng nguyên đơn và bị đơn vẫn nhất trí tiến hành hòa giải). Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị S bằng cách gửi bảo đảm và niêm yết tại nơi cư trú của chị S. Tuy nhiên, chị S vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-DS ngày 09/11/2020; Phiên tòa mở lại vào ngày 24/11/2020 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-DS ngày 24/11/2020; Phiên tòa được mở lại vào ngày 11/12/2020 đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng chị S vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ ba, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị S.

## **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 69.350.000 đồng không yêu cầu trả lãi mà bị đơn đã ký vay. Hội đồng xét xử thấy rằng tại bản tự khai ngày 15/10/2020 cũng như tại phiên hòa giải công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn anh Đ đều thừa nhận có nợ số tiền 69.350.000 đồng của bà Lê Thị Tuyết M. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh chị - cô Đinh Thị Xuân S trong thời kỳ hôn nhân và hiện nay anh chị đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới số 172/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 và khoản nợ trên hiện nay anh Đ cam kết đứng ra hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ khoản nợ này. Anh Đ cam kết chậm nhất 06 tháng đến ngày 30/4/2021 sẽ trả hết số nợ 69.350.000 đồng. Đề nghị Tòa án hòa giải tạo điều kiện để hai bên hòa giải, phía bà M tạo điều kiện vì hiện nay gia đình anh đang gặp khó khăn về tài chính. Anh Đ cam kết sẽ trả hết nợ.

Việc anh Đ thừa nhận còn nợ bà M số tiền vay gốc 69.350.000 đồng và cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với khoản nợ này đã được bà M nhất trí để anh Đ đứng ra chịu trách nhiệm hoàn toàn với khoản vay trên. Anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết thỏa thuận tại giấy cam kết ngày 16/10/2019 do anh Đ viết thừa nhận là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì có đủ cơ sở khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án

phí đã nộp; bị đơn – anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 69.350.000 đồng x 5% = 3.467.500 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Bà Lê Thị Tuyết M.

Buộc Bị đơn: Anh Phạm Anh Đ phải trả số tiền gốc đã vay **69.350.000 đồng** cho bà Lê Thị Tuyết M theo giấy cam kết ngày 16/10/2019.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

**2.** Về án phí sơ thẩm:

**2.1** Buộc Bị đơn anh Phạm Anh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **3.467.500 đồng** để sung quỹ Nhà nước.

**2.2** Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - Bà Lê Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí **1.733.000 đồng** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/ 0006488 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/12/2020); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Hoa**